

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HC-PT

Ngày: 19 - 8 - 2024

V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 7 năm 2024 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Khắc V; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. **Người bị kiện:** Trưởng Công an huyện A, tỉnh Bình Định

**Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:** Ông Nguyễn Thanh Đ – Phó Trưởng Công an huyện A là người đại diện theo ủy quyền của Trưởng Công an huyện A (Văn bản ủy quyền số 1613/GUQ-CAH-TH ngày 15/7/2024) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Nguyễn Khắc V.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Khắc V trình bày:*

Ngày 17/10/2023, Công an xã A, huyện A bắt vụ việc đánh bài tại thôn L, xã A, huyện A. Tại thời điểm Công an xã A bắt quả tang vụ đánh bạc, ông không đánh bạc cũng không có mặt nhưng trong quá trình làm việc, Công an xã A và Công an huyện A đã có hành vi lạm dụng quyền lực, xử lý vi phạm pháp luật có nhiều nội dung trái quy định pháp luật; cụ thể như sau:

- Trong nhiều văn bản, giấy tờ của Công an xã A và Công an huyện A đều thể hiện địa điểm xảy ra vụ việc tại nhà ông Trương Quang Đ1 nhưng thực tế đây là nhà ông Trương Quang Đ2, không giáp tỉnh lộ ĐT-629, nhà ông Đ1 có 02 ngôi nhà riêng lẻ khác mới giáp đường tỉnh lộ 629. Lý do ông biết đây là nhà ông Đ2 chứ không phải nhà ông Đ1 là do ông đang làm thủ tục đất cho ông Đ1.

- Vi phạm của ông (nếu có) chỉ là vi phạm hành chính, với vi phạm này (nếu có) chỉ bị xử lý hành chính thì phải căn cứ pháp luật vi phạm hành chính để xử lý. Khi tiến hành xử lý vi phạm thì ngay từ lúc ban đầu phải xác định đây là vụ án hành chính hay hình sự, chứ không phải xác lập hồ sơ vụ án hình sự rồi mới chuyển sang ra quyết định xử phạt hành chính. Trình tự, thủ tục chuyển không đúng quy định của pháp luật.

- Biểu mẫu ban hành quyết định hành chính không đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 54/2014/QH13 và Luật số 18/2017/QH14 (viết tắt là Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (viết tắt là Nghị định số 118).

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải thực hiện theo biểu mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118 nhưng quyết định xử phạt của Công an huyện A không thực hiện theo biểu mẫu số 02.

- Theo khoản 3 Điều 119 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính thì trường hợp của ông chưa đến mức cần thiết để tạm giữ xe, giấy tờ tài liệu của ông. Việc tạm giữ xe, điện thoại, giấy tờ của ông không thuộc trường hợp cần thiết theo quy định tại các khoản 1, 2 và 6 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Công an xã A và Công an huyện A đã lạm quyền tạm giữ tài sản và nhiều giấy tờ khác của ông.

Thời điểm Công an bắt quả tang tại nhà ông Đ2 có 04 chiếc xe nhưng Công an chỉ tạm giữ 02 chiếc xe thì có đảm bảo nguyên tắc công bằng trong việc tạm giữ tài sản hay không.

Tại khoản 2 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định việc tạm giữ tang vật, phương tiện phải được chấm dứt ngay sau khi xác minh được

tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt, hành vi vi phạm không còn gây nguy hiểm cho xã hội hoặc quyết định xử phạt được thi hành nhưng Công an huyện A đã cố tình tạm giữ tất cả tài sản, xe, giấy tờ của ông hơn 02 tháng, đây có phải hành vi lạm quyền hay không?

Công an tạm giữ tài sản của ông nhưng không ra quyết định tạm giữ, không gửi quyết định tạm giữ cho ông là trái quy định tại điểm b khoản 4 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tài sản của ông là ví, điện thoại, giấy tờ nhưng Công an không niêm phong theo quy định tại khoản 5 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính là có dấu hiệu sử dụng tài sản của ông bất hợp pháp.

Tài sản của ông tạm giữ hơn 02 tháng nhưng không có quyết định tạm giữ, quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ theo quy định khoản 8 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính là vi phạm nghiêm trọng pháp luật. Sau khi yêu cầu Tòa án cung cấp tài liệu, hồ sơ vụ án, ông thấy có quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ của ông nhưng quyết định không ghi thời hạn tạm giữ và thực tế tài sản của ông khác với tài sản tạm giữ.

Tại khoản 9 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện phải được lập thành 02 bản, giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản*” nhưng Công an không giao cho ông biên bản tạm giữ nào.

Công an xã A và Công an huyện A tạm giữ xe của ông hơn 02 tháng nhưng khi trả không có giấy tờ gì để chứng minh đã trả tài sản cho ông cũng không thu tiền phí lưu kho, phí bến bãi và phí bảo đảm trong thời gian tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 128 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất giấu tang vật vi phạm hành chính*” nhưng Công an đã tự tiện lục tung khám trong ví đồ vật của ông, khám trong xe của ông. Tại khoản 4 Điều 128 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có quyết định bằng văn bản*” nhưng không có quyết định mà tự tiện khám xe, đồ vật của ông.

Căn cước công dân của ông bị Công an xã A và Công an huyện A lạm dụng quyền, tước quyền công dân tự ý tạm giữ thời gian hơn 02 tháng là trái quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Căn cước công dân. Ông đã nhiều lần làm đơn xin lại căn cước công dân nhưng Công an xã A và Công an huyện A hứa trả nhưng vẫn tước quyền hợp pháp sử dụng căn cước công dân của ông 02 tháng là trái quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Căn cước công dân.

- Quá trình làm việc Công an huyện A không gửi thông báo, giấy triệu tập, giấy mời làm việc, mà gọi điện thoại áp đặt thời gian, hình sự hóa hành vi vi phạm hành chính. Ông không phải là bị can, hành vi của ông (nếu có) cũng chỉ là vi phạm hành chính, nhưng Công an đã lập danh bản, chỉ bản ông lạm quyền, thực hiện nhiệm vụ trái với quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tại khoản 4 Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “*Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức vi phạm*” nhưng ông không nhận văn bản của cơ quan, đơn vị nào về chuyển hồ sơ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 57 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì phải lập biên bản để xử phạt vi phạm nhưng Công an huyện A, Công an xã A không lập biên bản vi phạm hành chính là vi phạm nghiêm trọng pháp luật.

- Ông không vi phạm gì liên quan đến Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính nhưng Công an căn cứ quy định trên ban hành quyết định xử phạt ông là không phù hợp.

- Trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính có căn cứ Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính nhưng theo quy định trên thì có nhiều nội dung nhưng quyết định của Công an huyện A ban hành có nội dung thiếu, sai như sau: Không có biên bản vi phạm hành chính, không căn cứ biên bản vi phạm hành chính; có ghi căn cứ kết quả xác minh nhưng không có biên bản xác minh theo mẫu quy định tại Điều 59 của Luật Xử lý vi phạm hành chính xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính; việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải thể hiện bằng văn bản theo biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 118 nhưng Công an huyện A không làm; về phần họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của tổ chức vi phạm, ông vi phạm với tư cách cá nhân, không phải tổ chức tại sao ghi chức vụ; không ghi thời hạn và nơi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nơi nộp tiền phạt; quyết định phải ghi cơ quan nộp tiền phạt, tài khoản nộp tiền, thời hạn nộp tiền nhưng trong Quyết định không ghi và theo quy định Công an huyện phải gửi quyết định cho Kho bạc để thu tiền phạt nhưng không gửi.

- Không căn cứ Điều 57 của Luật Xử lý vi phạm hành chính để ban hành quyết định xử phạt.

- Vi phạm nghiêm trọng việc xác định mức tiền phạt: Tại Điều 23 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm a khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 118 quy định: Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung hình phạt. Trường hợp này, quyết định xử phạt cho rằng ông có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 10 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, chỉ có 01 tình tiết tăng nặng nhưng xử phạt mức tối đa khung tiền phạt quy định là vi phạm nghiêm trọng pháp luật khi xác định mức tiền phạt. Mặt khác, đối tượng khác trong cùng 01 vụ việc áp dụng mức phạt trung bình khung là vi phạm nguyên tắc bảo đảm công bằng trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Công an huyện A có tạm giữ tang vật, phương tiện của ông nhưng trong quyết định ghi: Không.

- Theo hướng dẫn tại mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118 thì trong trường hợp cấp phó xử phạt chỉ là được cấp trưởng ủy quyền và việc ký quyết định xử phạt chỉ là ký thay (KT) nhưng người ký quyết định xử phạt không ký thay. Việc này đã vi phạm nghiêm trọng thẩm quyền ký quyết định xử phạt.

Từ những căn cứ trên, Công an xã A và Công an huyện A đã vi phạm nghiêm trọng pháp luật, vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 12 của Luật Xử lý vi phạm hành chính: “ (1) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; (2) Hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính; (3) Xử phạt, vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục; (4) Áp dụng mức xử phạt không đúng đối với hành vi vi phạm hành chính”. Đồng thời, việc xử phạt của Công an huyện A đã vi phạm nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật Xử lý vi phạm hành chính “Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật”.

Ngoài ra, hiện nay ông Nguyễn Khắc V đã nộp tiền phạt xong.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 20/12/2023 của Trưởng Công an huyện A về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông (viết tắt là Quyết định số 01).

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Thanh Đ - Phó Trưởng Công an huyện A trình bày:*

Ngày 25/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tiếp nhận kiến nghị khởi tố do Công an xã A đề xuất chuyển đến với nội dung như sau: Vào lúc 21 giờ 45 phút ngày 17/10/2023, Tổ công tác Công an xã A kiểm tra, phát hiện tại khu vực phòng xem tivi nhà ông Trương Quang Đ1 (sinh năm 1964 ở thôn L, xã A, huyện A) có các đối tượng Nguyễn Trương Quốc T (sinh năm 1989), Nguyễn Trường T1 (sinh năm 1980), Trần D (sinh năm 1965) đều ở thôn L, xã A, huyện A và Nguyễn Khắc V (sinh năm 1978, ở thôn T, xã A, huyện A) đang đánh bạc với hình thức đánh bài tiến lên được thua bằng tiền. Thời điểm kiểm tra, phát hiện V đã bỏ chạy khỏi hiện trường. Kiểm tra trên chiếu bạc, phát hiện tiền Ngân hàng N 750.000 đồng, gồm 14 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 08 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 09 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 bộ bài tây 52 lá; 01 cái mền bằng vải, màu xanh, bên trên có nhiều họa tiết cây hoa; 01 ví da (bên trong ví có 524.000 đồng; 05 thẻ ngân hàng mang tên NGUYEN KHAC VU; 01 thẻ ngân hàng mang tên NGUYEN THI PHO; 03 căn cước công dân tên Trần Thị G, Lê T2, Phan Thị P; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Khắc V); 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, có ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại nhãn hiệu REOMI, màu xanh, có ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Qua xác minh, ngày 06/6/2023, Ủy ban nhân dân xã A đã ra Quyết định số 154/QĐ-XPHC xử phạt 1.500.000 đồng

đối với T về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xì lát được thua bằng tiền.

Ngày 26/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã xác lập tin báo và tiến hành xác minh theo quy định. Ngày 14/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Trương Quốc T về tội “Đánh bạc”.

Ngày 20/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 38/ĐTHS, kết luận: Nguyễn Trương Quốc T, Trần D, Nguyễn Trường T1 và Nguyễn Khắc V đã đánh bài tiến lên được thua bằng tiền tại nhà ông Trương Quang Đ1 vào ngày 17/10/2023. Khi bị Công an xã A phát hiện, V bỏ chạy khỏi nhà ông Đ1, để lại tại chiếu bạc 01 ví da, 02 điện thoại di động, 01 xe mô tô Airblade ở ngoài sân. Đối với T, ngày 06/6/2023, Ủy ban nhân dân xã A đã ra Quyết định số 154/QĐ-XPHC xử phạt 1.500.000 đồng đối với T về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài xì lát được thua bằng tiền. Thao là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của T là nguy hiểm cho xã hội, có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, cần phải xử lý theo quy định của pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Đối với Trần D, Nguyễn Trường T1, Nguyễn Khắc V là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tuy nhiên, số tiền tạm giữ tại chiếu bạc 750.000 đồng chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện A sẽ tiến hành xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài tiến lên được, thua bằng tiền” quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình (viết tắt là Nghị định số 144).

Đối với Trương Quang Đ1: Ông Đ1 là chủ nhà, đồng ý cho các đối tượng dùng chỗ ở của mình để đánh bạc, vì vậy Công an huyện A sẽ tiến hành xử phạt hành chính theo điểm b khoản 4 Điều 28 của Nghị định số 144.

Căn cứ vào Bản kết luận điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra quyết định chuyển hồ sơ cho Công an huyện A để tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với D, T1, V, Đ1. Ngày 20/12/2023, Công an huyện A đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D, T1, V, Đ1 theo quy định.

Quyết định số 01 được ban hành theo đúng biểu mẫu quyết định số 02 nhưng thiếu nội dung thi hành, địa điểm nộp phạt là do lỗi sai sót. Tuy nhiên, khi nhận quyết định, ông V đã chấp hành và thực hiện xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên. Ông V có thể khiếu nại ngay vấn đề này sau khi nhận quyết định.

Việc ông Nguyễn Thanh Đ - Phó trưởng Công an huyện A ký Quyết định số 01 là đúng thẩm quyền vì Trưởng Công an huyện A đã ban hành Quyết định giao quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính số 1752/QĐ-GQXP ngày 31/12/2022 cho Phó thủ trưởng Công an huyện là ông Nguyễn Thanh Đ.

Từ những căn cứ trên, Quyết định số 01 được ban hành đúng quy định. Do đó, Trưởng Công an huyện A không đồng ý với yêu cầu của ông V yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 14/5/2024, Tòa án nhân dân huyện An Lão đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc V đối với người bị kiện Trưởng Công an huyện A. Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/5/2024, ông V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án số 01/2024/HC-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão do Hội đồng xét xử không tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành khi giải quyết vụ án, xác định không đầy đủ người tham gia tố tụng, bản án ban hành không đúng thực tế phiên tòa xét xử; không áp dụng đúng quy định của pháp luật khi giải quyết vụ án, không làm rõ những nội dung chưa rõ trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ g nguyên yêu cầu kháng cáo trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Vào ngày 08/01/2024, ông Nguyễn Khắc V nộp trực tiếp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện An Lão về việc yêu cầu hủy Quyết định số 01.

Quyết định số 01 là quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện nói trên của ông V là trong thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện An Lão đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Theo Bản Kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 38/ĐTHS ngày 20/12/2023 của Công an huyện A thì khoảng 21 giờ 00 phút ngày

17/10/2023 tại nhà ông Trương Quang Đ1 ở thôn L, xã A, huyện A, Nguyễn Trương Quốc T cùng với Trần D, Nguyễn Trường T3, Nguyễn Khắc V tổ chức đánh bạc trái phép, thắng thua bằng tiền và đã bị Công an xã A bắt quả tang, đã thu giữ tại chiếu bạc số tiền 750.000 đồng.

Nguyễn Trương Quốc T là đối tượng đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép nhưng tiếp tục phạm tội nên đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão truy tố về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và Toà án nhân dân huyện An Lão đã xét xử bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày 10/4/2024.

Do số tiền chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần D, Nguyễn Trường T3, Nguyễn Khắc V và Trương Quang Đ1 nên Công an huyện A đã quyết định chuyển hồ sơ vi phạm đối với các đối tượng trên để xử phạt hành chính; cụ thể: D, T1 và V bị Công an huyện A ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài tiến lên được, thua bằng tiền” theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 144; Đáng bị xử phạt hành chính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 28 của Nghị định số 144 do là chủ nhà và đã đồng ý cho các đối tượng dùng chỗ ở của mình để đánh bạc.

Trong vụ án này, ngoài ông V thì các đối tượng còn lại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như nội dung vụ án, hành vi phạm tội của các đối tượng mà các cơ quan tiền hành tố tụng hình sự đã xác định. Bản thân ông V cũng xác định giữa ông với Nguyễn Trương Quốc T, Trần D, Nguyễn Trường T3, Trương Quang Đ1 không có mâu thuẫn nào khác; T, D, T3 và Đ1 đều xác định ông V có tham gia đánh tiến lên được, thua bằng tiền với T, D, T3 tại nhà ông Đ1 vào ngày 17/10/2023; khi bị lực lượng chức năng phát hiện thì ông V đã bỏ chạy tại hiện trường. Tại thời điểm bắt quả tang, vật chứng thu giữ tại hiện trường có 01 ví da màu nâu, nhãn hiệu POLO, bên trong ví có 524.000 đồng và 05 thẻ ngân hàng mang tên NGUYEN KHAC VU, 01 thẻ ngân hàng mang tên NGUYEN THI PHO, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Khắc V, 02 điện thoại di động...

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông không có hành vi tham gia đánh bạc trái phép, thắng thua bằng tiền tại nhà ông Trương Quang Đ1 ở thôn L, xã A, huyện A cùng với Nguyễn Trương Quốc T, Trần D, Nguyễn Trường T3 vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 17/10/2023; đồng thời, ông V cũng không lý giải được tại sao tại thời điểm bắt quả tang, lực lượng chức năng đã thu giữ các giấy tờ có tên ông tại hiện trường.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở để xác định vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 17/10/2023 tại nhà ông Trương Quang Đ1 ở thôn L, xã A, huyện A, Nguyễn Trương Quốc T cùng với Trần D, Nguyễn Trường T3, Nguyễn Khắc V tổ chức đánh bạc trái phép, thắng thua bằng tiền và đã bị Công an xã A bắt quả tang, đã thu giữ tại chiếu bạc số tiền 750.000 đồng. Do đó, Công an huyện A ban



hành Quyết định số 01 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Khắc V do đã có hành vi “Đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài tiến lên được, thua bằng tiền” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 144 là có căn cứ.

Quyết định số 01 đã xử phạt ông Nguyễn Khắc V bằng hình thức phạt tiền với số tiền phạt là 2.000.000 đồng là không vượt quá mức phạt tiền tối đa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 144 quy định như sau: “1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây: a) Đánh bạc trái phép bằng một trong các hình thức như xóc đĩa, tá lả, tổ tôm, tú lơ khơ, tam cúc, 3 cây, tứ sắc, đỏ đen, cò thẻ, binh án độ 6 lá, binh xập xám 13 lá, tiến lên 13 lá, đá gà, tài xỉu hoặc các hình thức khác với mục đích được, thua bằng tiền, tài sản, hiện vật;”.

Tại khoản 4 Điều 23 của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định như sau “Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt”. Trong vụ án này, cá nhân ông V đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính sau khi vi phạm quy định tại điểm k khoản 1 Điều 10 của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính; tại thời điểm phạm tội bị bắt quả tang, ông đang giữ chức vụ Phó trưởng Phòng Tư pháp huyện A. Do đó, Quyết định số 01 đã xử phạt ông V bằng hình thức phạt tiền với số tiền phạt ở mức tối đa 2.000.000 đồng là phù hợp.

[3]. Tại Điều 63 của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính như sau:

“1. Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này.

3. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm quy định tại khoản 2 Điều này thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.”

Căn cứ quy định trên thì trình tự, thủ tục, thời hạn và thời hiệu ban hành Quyết định số 01 là đúng quy định vì Quyết định số 01 được ban hành trên cơ sở vụ án đánh bạc của Nguyễn Trương Quốc T và các đối tượng khác do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó nhận thấy số tiền dùng để đánh bạc chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự và hành vi của ông V có dấu hiệu vi phạm hành chính nên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự đã chuyển hồ sơ của vụ vi phạm và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

[4]. Tại khoản 2 Điều 63 quy định của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính như sau “Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này”.

Căn cứ quy định trên thì Quyết định số 01 thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản vì việc xử phạt ông V được căn cứ vào hồ sơ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 63 quy định của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính chuyển đến. Do đó, ông V cho rằng Công an huyện A và Công an xã A không lập biên bản vi phạm hành chính là vi phạm khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 57 của Luật Xử lý vi phạm hành chính là không phù hợp với nhận định trên. Ngoài ra, ông cho rằng ông không nhận văn bản của cơ quan, đơn vị nào về chuyển hồ sơ là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính “Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức vi phạm” là không đúng vì trường hợp của ông được áp dụng theo quy định tại Điều 63 quy định của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính (Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính) chứ không phải áp dụng theo quy định tại Điều 62 quy định của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính (Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự).

Căn cứ biểu mẫu số 02/QĐ-XPHC ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20/3/2019 của Bộ C quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân thì hình thức ban hành Quyết định số 01 là không đúng quy định. Do đó, ông V cho rằng biểu mẫu ban hành Quyết định số 01 không đúng quy định là có căn cứ.

[5] Quyết định số 01 là quyết định xử phạt vi phạm hành chính do người bị xử phạt đã có hành vi đánh bạc trái phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 144 với số tiền phạt là 2.000.000 đồng. Người ký quyết định trên là ông Nguyễn Thanh Đ – Phó Trưởng Công an huyện A.

Theo điểm b khoản 4 Điều 39 của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính thì “*Trưởng Công an cấp huyện có quyền phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 25.000.000 đồng*”.

Theo điểm b khoản 4 Điều 69 của Nghị định số 144 thì “*Trưởng Công an cấp huyện có quyền phạt tiền đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”.

Theo Điều 54 của Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính về giao quyền xử phạt thì: Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật này có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

Tại phần căn cứ pháp lý ra Quyết định số 01 đã thể hiện quyết định giao quyền là Quyết định số 1752/QĐ-GQXP ngày 31/12/2022 (viết tắt là Quyết định số 1752). Theo Quyết định số 1752 thì ông Nguyễn Thanh Đ – Phó Trưởng Công an huyện A đã được ông Đặng Xuân Đ3 – Trưởng Công an huyện A giao quyền xử phạt vi phạm hành chính thường xuyên từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Từ những căn cứ trên, ông Nguyễn Thanh Đ – Phó Trưởng Công an huyện A ký ban hành Quyết định số 01 là đúng quy định về thẩm quyền ban hành văn bản và việc ông V cho rằng Quyết định số 01 đã vi phạm nghiêm trọng thẩm quyền ký ban hành quyết định là không phù hợp với nhận định trên.

[6]. Vào ngày 20/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong vụ đánh bạc, xảy ra ngày 17/12/2023 tại nhà ông Trương Quang Đ1 ở thôn L, xã A, huyện A đến Công an huyện A để xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 01/QĐ-ĐTTHS ngày 20/12/2023 (không kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm). Đồng thời trong cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả lại tài sản, đồ vật đã bị thu giữ, tạm giữ theo Quyết định số 24/QĐ-ĐTTHS ngày 20/12/2023. Do đó, việc ông V khiếu nại cho rằng Công an xã A và Công an huyện A đã lạm quyền tạm giữ tài sản và nhiều giấy tờ khác của ông, khiếu nại hành vi thực hiện các biện pháp tạm giữ cũng như trả lại tang vật, phương tiện của ông trong vụ án là khiếu nại trong tố tụng hình sự được xem xét giải quyết theo thủ tục quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật Tố tụng hình sự; không thuộc trường hợp phải xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở để xác định Quyết định số 01 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hạn và có căn cứ. Mặc dù

hình thức quyết định trên không đúng biểu mẫu ban hành nhưng không ảnh hưởng đến tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 01. Ngoài ra, hiện nay ông V đã nộp tiền phạt theo Quyết định số 01. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét bác kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 01.

[7]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Khắc V phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007152 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão.

[8]. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 14/5/2024, Tòa án nhân dân huyện An Lão đã quyết định “Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc V đối với người bị kiện Trưởng Công an huyện A” là không rõ ràng. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại là “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc V về việc yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 01”. Đề nghị Toà án nhân dân huyện An Lão rút kinh nghiệm trong những lần xét xử tiếp theo.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9]. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ quy định tại Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình; Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20/3/2019 của Bộ C quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc V. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc V về việc yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 20/12/2023 của Trưởng Công an huyện A, tỉnh Bình Định.

**3.** Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Khắc V phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007152 ngày 25/6/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.
- Tòa án nhân dân huyện A
- Chi cục THADS huyện A
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Xuân Hải**